| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BẮC BÌNH**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Xuân Ngọc.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Táo Thị Mộng Quyên
2. Ông Huỳnh Công Bằng

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Như Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 376/2023/HNGĐ-ST ngày 07 tháng 11 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2024/QĐ-HNGĐ ngày 01/02/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Củ Ngọc A, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Anh Giềng Sánh N, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Củ Ngọc A trình bày:* Chị Củ Ngọc A và anh Giềng S Nhìn tự nguyện tìm hiểu, yêu thương và tổ chức đám cưới năm 2010 đến ngày 16/6/2011 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo làm ăn, ham chơi nhậu nhẹt để chị A phải lo lắng, gánh vác mọi chuyện trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi chị A và các con bệnh thì anh N không quan tâm, hỏi thăm nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng quyết định sống ly thân từ năm 2022 đến nay, dù vợ chồng đã nhiều lần tự hòa giải với nhau nhưng không thành mà chỉ làm cho mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giềng S Nhìn.

Về con chung: Chị Củ Ngọc A và anh G Sánh Nhìn có 02 con chung là G Sín TSìn, sinh ngày 24/4/2011 và Giềng Sín H, sinh ngày 11/4/2015. Chị A yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con và yêu cầu anh G Sánh Nhìn cấp dưỡng cho mỗi con hàng tháng với số tiền 500.000 đồng/tháng cho mỗi con cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Củ Ngọc A khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Giềng S Nhìn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt, nên Tòa án không ghi lời khai và tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành tốt nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 118 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Củ Ngọc A được ly hôn với anh Giềng S Nhìn. Về con chung: Giao hai con chung tên G Sín TSìn, sinh ngày 24/4/2011 và Giềng Sín H, sinh ngày 11/4/2015 cho chị Củ Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định. Hàng tháng anh G Sánh Nhìn cấp dưỡng cho mỗi con với số tiền 500.000 đồng/tháng cho mỗi con nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Giềng S Nhìn được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn; về tài sản, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; về án phí: nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Củ Ngọc A có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh G Sánh Nhìn, anh N thường trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Củ Ngọc A và anh G Sánh Nhìn đã tự nguyện chung sống và có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 16/6/2011 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của chị A và anh N là hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị đơn anh Giềng S Nhìn: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh N vẫn cố tình vắng mặt không lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Theo chị A trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N không lo làm ăn, ham chơi nhậu nhẹt để chị phải lo lắng, gánh vác mọi chuyện trong gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, khi chị A và các con bệnh thì anh N không quan tâm, hỏi thăm nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn chị A xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Giềng S Nhìn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân muốn hạnh phúc phải xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, yêu thương, chăm sóc và tin tưởng chia sẻ cho nhau nay tình cảm đó đã không còn nên việc chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh N là có căn cứ. Hơn nữa, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, chung sống cùng nhau để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của chị A, anh N không còn hạnh phúc, anh chị đã không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không ai còn quan tâm đến ai, anh chị đã tự sống xa nhau từ năm 2022 cho đến nay, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài nhưng vợ chồng chị A, anh N không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án cũng tạo điều kiện triệu tập anh N đến Tòa án để tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn tình cảm, nhưng anh N không đến Tòa, như vậy anh N đã tự khước từ việc hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được. Điều này chứng tỏ anh N không muốn hòa giải để hàn gắn tình cảm với chị A. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và nhằm ổn định cuộc sống cho các bên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Củ Ngọc A đối với anh Giềng S Nhìn.

[2.2]. Về con chung*:* Chị Củ Ngọc A và anh G Sánh Nhìn có 02 con chung Giềng Sín TSìn, sinh ngày 24/4/2011 và Giềng Sín H, sinh ngày 11/4/2015. Chị A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con và hàng tháng anh G Sánh Nhìn cấp dưỡng

cho mỗi con với số tiền 500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Xét yêu cầu của chị A, Hội đồng xét xử thấy rằng 02 con chung hiện đang ở với chị A, đối với con chung Giềng Sín TSìn, sinh ngày 24/4/2011 có nguyện vọng ở với anh N nhưng kể từ khi thụ lý đến nay anh N không đến Tòa án làm việc, trình bày về vấn đề con chung, do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các con chung, đảm bảo sự phát triển ổn định, toàn diện cho con chung nên cần tiếp tục giao con chung tên Giềng S1 TSìn sinh ngày 24/4/2011 và Giềng Sín H, sinh ngày 11/4/2015 cho chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Giềng S Nhìn được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị Củ Ngọc A yêu cầu anh N cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng/con cho đến khi con trưởng thành. Chị A khai thu nhập hàng tháng của chị khoảng 7.000.000 đồng - 8.000.000 đồng, anh N hiện làm ruộng và làm thuê thu nhập cũng không ổn định. Xét thấy, theo quy định của Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình: "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con".* Do anh N không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định theo quy định khoản 2 Điều 82, Điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về mức cấp dưỡng: Chị A yêu cầu anh N cấp dưỡng mỗi tháng 500.000 đồng/tháng/con, nhận thấy yêu cầu về mức cấp dưỡng của chị A phù hợp thu nhập, khả năng thực tế của anh N, nhu cầu học tập, sinh hoạt của con chung, do đó chấp nhận yêu cầu về mức cấp dưỡng của chị A. Buộc anh Giềng S Nhìn cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 500.000 đồng/ tháng/con, cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động, cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, sau khi Bản án nôn nhân và gia đình có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị A, anh N phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[3]. Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung của chị A là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Củ Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí về việc yêu cầu xin ly hôn và anh Giềng S Nhìn phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015; Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 118 Luật HNGĐ năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc ly hôn của chị Củ Ngọc A.

**Về quan hệ hôn nhân:** Chị Củ Ngọc A được ly hôn với anh Giềng S Nhìn.

**Về con chung:** Giao 02 con chung tên G Sín TSìn, sinh ngày 24/4/2011 và Giềng Sín H, sinh ngày 11/4/2015 cho chị Củ Ngọc A chăm sóc, nuôi dưỡng.

Chị Củ Ngọc A và anh Giềng S Nhìn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Anh Giềng S Nhìn có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh G Sánh Nhìn hàng tháng cấp dưỡng nuôi con 500.000 đồng/tháng/con, cho đến khi con trưởng thành, có khả năng lao động, cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu

cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

**Về tài sản chung, nợ chung:** Chị Củ Ngọc A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**Về án phí:** Chị Củ Ngọc A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị A đã đóng là 300.000 đồng theo biên lai số 0001429 ngày 07/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Chị Củ Ngọc A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Giềng S Nhìn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

**Về quyền kháng cáo:** Chị Củ Ngọc A có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/02/2024). Quyền kháng cáo của anh G Sánh Nhìn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận***:
- Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự Bắc Bình;
- UBND xã Hải Ninh, huyện Bắc Bình (Hộ tịch: số 36, ngày 16/6/2011);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Xuân Ngọc**